

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

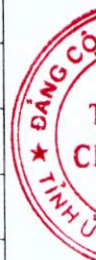
Thái Nguyên, ngày 04 tháng 01 năm 2020

ĐIỂM THI

**PHẦN V.1: MỘT SỐ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO,
QUẢN LÝ Ở CƠ SỞ**

LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN VÕ NHAİ

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Tạ Thị Ngọc Ánh	1	61	7.5	Bảy rưỡi	
2	Nguyễn Văn Bằng	2	50	6.5	Sáu rưỡi	
3	Hà Thị Bích	3	12	7.5	Bảy rưỡi	
4	Đặng Thị Ngọc Châu	4	17	7.5	Bảy rưỡi	
5	Đào Văn Chung	5	11	7.0	Bảy	
6	Nguyễn Văn Côn	6	79	7.0	Bảy	
7	Ma Xuân Diệp	7	26	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Thị Dịu	8	18	8.0	Tám	
9	Hà Thị Kim Dung	9	14	7.5	Bảy rưỡi	
10	Hoàng Thị Kim Dung	10	33	7.0	Bảy	
11	Hoàng Thanh Dung	11	09	7.5	Bảy rưỡi	
12	Lèng Hải Dương	12	66	7.0	Bảy	
13	Trần Hải Dương	13	73	6.5	Sáu rưỡi	
14	Lê Quốc Đạt	14	47	7.5	Bảy rưỡi	
15	Phạm Hồng Điệp	15	76	7.0	Bảy	
16	Vũ Quốc Đoàn	16	56	7.0	Bảy	
17	Hà Thủ Đô	17	54	7.0	Bảy	
18	Hoàng Minh Giám	18	38	7.5	Bảy rưỡi	
19	Hoàng Minh Giang	19	58	7.0	Bảy	
20	Nguyễn Văn Giới	20	41	7.0	Bảy	
21	Lương Thanh Hà	21	39	7.0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Lê Thị Hảo	22	75	8.0	Tám	
23	Lê Văn Hiến	23	43	7.0	Bảy	
24	Hoàng Thị Hiếu	24	02	8.0	Tám	
25	Ma Đình Hiếu	25	52	7.5	Bảy rưỡi	
26	Hoàng Văn Hô	26	60	7.0	Bảy	
27	Đinh Thị Phương Hoa	27	08	7.5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Hoàng Thanh Hoa	28	32	7.5	Bảy rưỡi	
29	Ma Khánh Hoà	29	89	7.0	Bảy	
30	Hà Văn Hòa	30	-	-	-	Không đủ ĐKDT
31	Đặng Văn Hoàng	31	05	8.0	Tám	
32	Ma Khánh Hoàng	32	67	7.5	Bảy rưỡi	
33	Lê Văn Hoàng	33	84	7.5	Bảy rưỡi	
34	Đoàn Quang Huân	34	34	8.0	Tám	
35	Hoàng Thị Huệ	35	23	7.5	Bảy rưỡi	
36	Phan Mạnh Hùng	36	28	8.0	Tám	
37	Nông Thế Hưng	37	78	8.0	Tám	
38	Luân Thị Hương	38	45	7.0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Thanh Hương	39	49	6.5	Sáu rưỡi	
40	Ma Thị Hương	40	90	7.0	Bảy	
41	Lương Đình Hưởng	41	35	8.0	Tám	
42	Trần Quang Huy	42	51	7.0	Bảy	
43	Ứng Trung Kiên	43	88	7.0	Bảy	
44	Ma Văn Khoai	44	68	7.5	Bảy rưỡi	
45	Hoàng Thị Bích Khuyên	45	36	7.0	Bảy	
46	Đặng Văn Ký	46	83	6.5	Sáu rưỡi	
47	Trịnh Tiến Lam	47	07	7.5	Bảy rưỡi	
48	Nguyễn Văn Lãng	48	16	7.0	Bảy	
49	Lê Thị Hồng Lê	49	72	7.5	Bảy rưỡi	
50	Nông Đức Linh	50	59	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
51	Nguyễn Thị Loan	51	20	7.5	Bảy rưỡi	
52	Hoàng Văn Lộc	52	48	8.0	Tám	
53	Hoàng Thị Mai	53	81	7.5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Công Mạnh	54	40	7.0	Bảy	
55	Lê Thị Minh	55	65	7.5	Bảy rưỡi	
56	Hoàng Thị Mới	56	15	8.0	Tám	
57	La Thị Na	57	03	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nông Văn Nam	58	30	7.0	Bảy	
59	Vũ Thị Năm	59	01	8.0	Tám	
60	Nguyễn Thị Thanh Nga	60	57	8.0	Tám	
61	Nguyễn Quỳnh Nga	61	55	6.5	Sáu rưỡi	
62	Dương Bảo Ngọc	62	62	7.5	Bảy rưỡi	
63	Thạch Thanh Ngọc	63	04	7.5	Bảy rưỡi	
64	Hoàng Thị Nguyệt	64	37	8.0	Tám	
65	Lương Văn Nhân	65	42	7.5	Bảy rưỡi	
66	Nông Thị Hoàng Nhung	66	46	7.0	Bảy	
67	Hoàng Thị Niêm	67	63	7.5	Bảy rưỡi	
68	Chu Thanh Phong	68	25	6.5	Sáu rưỡi	
69	Lương Hoàng Phúc	69	13	8.0	Tám	
70	Nguyễn Trọng Quân	70	44	7.0	Bảy	
71	Trần Văn Soát	71	77	7.0	Bảy	
72	Lê Văn Sông	72	69	7.5	Bảy rưỡi	
73	Hà Thị Thắm	73	29	8.0	Tám	
74	Triệu Văn Thắng	74	19	7.0	Bảy	
75	Chu Văn Thành	75	71	7.5	Bảy rưỡi	
76	Phan Mạnh Thìn	76	74	7.5	Bảy rưỡi	
77	Hà Thị Thuý	77	21	7.5	Bảy rưỡi	
78	Nguyễn Thị Thanh Thuý	78	64	8.0	Tám	
79	Lường Thu Trà	79	70	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
80	Nông Thị Hương Trà	80	87	7.0	Bảy	
81	Hoàng Minh Trang	81	85	7.5	Bảy rưỡi	
82	Triệu Văn Trinh	82	06	7.5	Bảy rưỡi	
83	Ma Đình Trọng	83	22	7.5	Bảy rưỡi	
84	Nguyễn Anh Tuấn	84	86	8.0	Tám	
85	Bế Văn Tuyên	85	24	7.5	Bảy rưỡi	
86	Lương Bích Vân	86	80	7.5	Bảy rưỡi	
87	Đặng Quốc Vinh	87	82	7.0	Bảy	
88	Nông Quốc Vo	88	53	7.0	Bảy	
89	Nông Thị Vui	89	27	7.5	Bảy rưỡi	
90	Hoàng Thị Xoan	90	10	7.5	Bảy rưỡi	
91	Nguyễn Thị Hoàng Yến	91	31	7.5	Bảy rưỡi	

VIỆT NAM
: RI
SUYỄN

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**

Ngô Thị Hồng Nhung

**KT/ HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên